TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2020/HS-ST
Ngày: 17 – 7 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phùng Minh Đức

2/ Ông Phan Minh Đăng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nghiêm Văn Hải – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2020/TLST- HS ngày 19 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2020 đối với:

***** Bị cáo **HOÀNG ANH T** – Sinh ngày 03 tháng 02 năm 1999, tại:Lâm Đồng; Nơi cư trú: Thôn A, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn N – sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị P – sinh năm 1978; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 31/01/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Đ tuyên xử 9 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Nhân thân: Ngày 31/7/2017 bị Công an huyện Đ xử phạt hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/4/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "*Có mặt*".

***Bị hại:** Anh Phạm Văn B – Sinh ngày 23 tháng 9 năm 2002

Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Có đơn xin vắng mặt"

***Đại diện hợp pháp của bị hại:** Chị Nguyễn Thị C – Sinh năm 1982 (Dì ruột của bị hại)

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Có đơn xin vắng mặt"

***Những người làm chứng:**

1/Ông Trần Quốc S – Sinh năm 1962

Địa chỉ: TDP B1, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Vắng mặt"

2/ Anh Nguyễn Văn H – Sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn A2, xã Đạ Kho, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Vắng mặt"

3/Anh Đặng Văn Đ1 – Sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn H3, xã Q1, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Vắng mặt"

4/ Anh Nguyễn Như H1 – Sinh năm 1993

Địa chỉ: TDP 2D, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 02/2020, Hoàng Anh T cho Nguyễn Văn H mượn 01 chiếc xe mô tô (không rõ biển số) của gia đình T để H cầm cố cho anh Đặng Văn Đ1 trú tại thôn H3, xã Q1, huyện Đ lấy tiền tiêu xài. Đến hạn chuộc xe là ngày 01/03/2020 nhưng không có tiền và thấy anh Phạm Văn B có một chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A5S, nên T đã nảy sinh ý định mượn điện thoại nhằm mục đích chiếm đoạt mang đi cầm cố lấy tiền chuộc xe mô tô. Sáng ngày 01/03/2020, khi B điều khiển xe máy chở T và H từ nhà đến quán Internet Thái H ở Thôn A3, xã K, huyện Đ. Khi đến quán, H vào trước, T và B đi sau T nói với B "*cho anh mượn điện thoại một tý anh đi lấy tiền ở ngân hàng*" thì anh B đồng ý và đưa điện thoại di động hiệu Oppo A5S màu đen và giao xe máy hiệu Honda 67, biển số 72-455 XA cho T. Sau khi mượn được điện thoại và xe mô tô, T rũ H đi cùng. Sau đó, T điều khiển xe máy chở H đến tiệm cầm đồ S Liên ở TDP 5B, TT.Đ cầm cố chiếc điện thoại cho ông Trần Quốc S lấy 1.500.000 đồng, còn chiếc xe máy T nhờ một người bạn trả lại cho B. Sau khi cầm cố điện thoại, T và H đến nhà anh Đ1 để chuộc xe máy nhưng không chuộc được xe. Sau đó, T cho H khoảng 200.000 đồng, số tiền còn lại T đã tiêu xài cá nhân.

Người bị hại là anh Phạm Văn B, sinh năm 2002, trú tại Thôn A, xã K, huyện Đ bị chiếm đoạt 01 (*một*) chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A5S. Theo Kết luận định giá tài sản số 09/2020/KL-HĐĐGTTHS ngày 03/04/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ xác định giá trị chiếc chiếc điện thoại di động do T chiếm đoạt là: 2.303.000 đồng *(Hai triệu, ba trăm lẻ ba ngàn đồng).*

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKSĐT ngày 19/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Hoàng Anh T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo T từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù.

*Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung của bản cáo trạng truy tố và nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không ý kiến hay khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận: Lợi dụng sự quen biết, tin tưởng của anh Phạm Văn B, vào ngày 01/03/2020, Hoàng Anh T đã đưa ra thông tin gian dối để B đồng ý cho mượn điện thoại, xe máy của anh B nhằm mục đích chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A5S trị giá 2.303.000 đồng *(Hai triệu, ba trăm linh ba ngàn đồng)* mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân, đối với chiếc xe máy Cup 67, biển số 72-455 XA, bị cáo đã trả lại cho B.

Qua lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những tài liệu, chứng cứ đã được phản ánh trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của bị cáo T đã phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi mà bị cáo T đã thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi ấy đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của anh Phạm Văn B. Ngoài ra hành vi của bị cáo thực hiện không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo lợi dụng sự quen biết và tin tưởng của B nên bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối làm cho B tin tưởng cho mượn điện thoại di động hiệu Oppo A5S trị giá 2.303.000 đồng *(Hai triệu ba trăm linh ba ngàn đồng),* sau đó bị cáo cầm cố điện thoại lấy tiền tiêu xài cá nhân. Xét về nhân thân của bị cáo thấy rằng ngày 31/07/2017 bị Công an huyện Đ ra quyết định xử phạt hành chính số tiền là 1.500.000đ về hành vi "Trộm cắp tài sản"; ngày 31/01/2018 bị Toà án nhân dân huyện Đ xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân nhưng đến ngày 01/3/2020 bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của người khác chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A5S trị giá 2.303.000 đồng *(Hai triệu ba trăm linh ba ngàn đồng).* Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận còn thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản" tại huyện Đ2, tỉnh Lâm Đồng hiện bị cáo đã nhận quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can của Công an huyện Đ2. Trên cơ sở các tình tiết trên, do vậy bị cáo phải chịu một mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, vừa đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật vừa giữ gìn an ninh trật tự và cải tạo giáo dục bị cáo thành người hữu ích cũng như có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình phạt cũng cần xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo một phần vì: Bị cáo đã trả lại chiếc điện thoại chiếm đoạt của bị hại và bồi thường số tiền cầm cố điện thoại cho người nhận cầm cố; tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[5] Trong vụ án này còn có Nguyễn Văn H là người cùng với bị cáo đi cầm cố chiếc điện thoại và ông Trần Quốc S là người nhận cầm cố chiếc điện thoại do T chiếm đoạt mà có. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định H và ông S không biết hành vi chiếm đoạt tài sản của T nên không đủ cơ sở để xử lý về hành vi của H và ông S.

Đối với hành vi cầm cố tài sản không có giấy phép của Đặng Văn Đ1, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Đ1 là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: anh Phạm Văn B đã nhận lại chiếc điện thoại và ông Trần Quốc S đã nhận lại số tiền 1.500.000 đồng, tại phiên tòa bị hại, đại diện hợp pháp bị hại và ông S vắng mặt và không ai yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[7] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng gồm.

- 01 (*một*) điện thoại hiệu Oppo A5S, màu đen, số IMEI1: 865222044662116, IMEI2: 865222044662108.

- 01 vỏ hộp điện thoại màu trắng, phần nắp vỏ hộp có in hình chiếc điện thoại Oppo A5S màu đen, phía sau vỏ hộp có 02 số IMEI gồm số IMEI1: 865222044662116, IMEI2: 865222044662108.

Hiện các vật chứng trên cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Hoàng Anh T** phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".*

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Anh T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/4/2020.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiện tòa có quyền kháng cáo kể từ thời điểm nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Công an huyện Đ;*
- *Bị cáo; Bị hại;*
- *Đại diện HP của bị hại;*
- *Thi hành án dân sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Mỹ Diễm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phùng Minh Đức

Nguyễn Thị Mỹ Diễm

Phan Minh Đăng